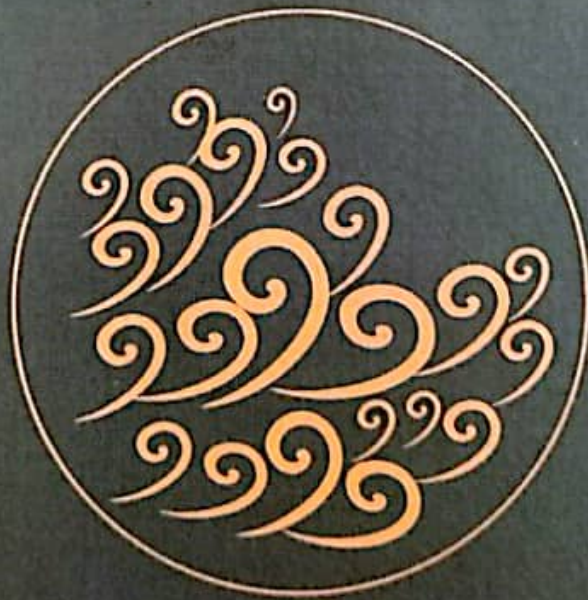


TÔ NGỌC THẠCH

# HẢI PHÒNG

## NHỮNG TRĂM TÍCH THỜI GIAN

KHẢO CỨU VÀ VĂN XUÔI



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

## II.23- TRUẬN CHUYÊN CUỘC ĐỜI HỮU THỊ LANG PHẠM TRI CHI

Trong tay tôi có hầu hết danh sách các Tiến sỹ Nho học quê Vinh Bảo - Hải Phòng, nhưng việc tìm ra làng gốc của các nhà khoa bảng kia cũng không phải là chuyện dễ dàng gì. Vì trải qua hàng trăm năm, các địa danh bị thay đổi, quy mô làng xã phát triển nhanh chóng và đặc biệt là việc thay đổi tên theo từng thời kỳ. Một số người sinh ra trên mảnh đất quê mình, nhưng cũng không biết vài chục năm trước làng mình tên gì, chứ đừng nói tới từ thời xa xưa.

Theo sách “*Tiến sỹ Nho học Hải Dương 1075 - 1919*” và “*Từ điển Bách khoa Địa danh Hải Phòng*” và nhiều sách khác, thì Phạm Tri Chi quê xã Bắc Tạ, tổng Bắc Tạ, huyện Tứ Kỳ, phủ Hạ Hồng, trấn Hải Dương, nay thuộc xã Hùng Tiến, huyện Vinh Bảo, thành phố Hải Phòng. Ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sỹ xuất thân khoa Mậu Thìn, niên hiệu Sùng Khang thứ 3 (1568), đời vua Mạc Mậu Hợp, làm quan nhà Mạc sau quy thuận nhà Lê trung hưng, làm quan tới chức Thị lang.

Trong đó, trang 401 sách “*Các nhà khoa bảng Việt Nam 1075 - 1919*” xuất bản 2006 ghi: “*Phạm Tri Chi đỗ Tiến sỹ niên hiệu Thuần Phúc thứ 4 (1568)*”. Hay sách “*Lịch sử Đảng bộ huyện Vinh Bảo*” xuất bản năm 2018 lại ghi Tiến sỹ Nho học Phạm Tri Chi, quê *thôn Áng Ngoại*, xã Trung Lập, huyện Vinh Bảo, thành phố Hải Phòng. Hay trang 381 sách “*Các vị Trạng nguyên bảng nhơn Thám hoa qua các triều đại phong kiến Việt Nam*” Nhà Xuất bản Hồng Đức năm 2018 ghi ông đỗ *Hoàng giáp* năm Mậu Thìn (1568). Cả

3 sách trên ghi (niên hiệu Thuần Phúc thứ 4, thôn Áng Ngoại và Hoàng giáp) là đều chưa có sức thuyết phục.

Trong quá trình tìm hiểu, chúng tôi thấy Phạm Tri Chi đỗ Đại khoa, làm quan Thái giám nhà Mạc và sau quy thuận nhà Lê trung hưng, được thăng tới chức Thị lang. Đây là một chức khá lớn (hàng Tam phẩm) của triều đình phong kiến nước ta, trong hơn hai chục nhà khoa bảng của Vinh Bảo chỉ có 6 người giữ chức vụ và phẩm hàm tương đương với ông là: Phạm Đức Khản, Dương Đức Nhan, Trần Lương Bật, Đào Công Chính, Giang Sỹ Đoan, Ưông Sỹ Điển và 4 người giữ chức Thượng thư là Đào Văn Hiến, Nguyễn Minh Đạt, Nguyễn Mậu, còn Tả Thị lang bộ Lại Nguyễn Bình Khiêm sau khi về trí sỹ hơn chục năm mới được thăng tới chức Thái phó, chứ không phải lúc ông đang công tác.

Tục truyền, cậu bé Phạm Tri Chi xuất thân từ một gia đình nghèo khó, bố mẹ làm mướn cho làng Bắc Tạ, một nghề nghèo hèn bị xã hội phong kiến khinh miệt, nhưng bù lại Phạm Tri Chi có sức khỏe hơn người, thông minh, lanh lợi và rất chăm chỉ. Hằng ngày những đứa trẻ khác có điều kiện được đến chùa làng học, thì cậu bé Phạm Tri Chi phải đi chăn trâu, cắt cỏ kiếm kế sinh nhai. Với đức tính ham học, nhưng gia đình không có tiền, nên cậu thường xuyên ghé đến lớp của thầy đồ ở chùa Bắc Tạ xem các bạn cùng trang lứa học tập ra sao và học rình.

Nhiều lần thầy đồ thấy tội, nên đã cho “cậu bé học rình” này vào lớp ngồi dãy cuối cùng. Phạm Tri Chi như mở cờ trong bụng, vì thế mà cậu rất cố gắng, ban ngày còn phải kiếm sống, tranh thủ ban tối học bài. Nhà nghèo đến cái đèn dầu cũng chẳng có, Phạm Tri Chi nghĩ ra cách, bắt đom đóm bỏ vào vỏ trứng lấy ánh sáng thay đèn. Không có vở viết, cậu dùng lá chuối hột ú vàng thay giấy để tập viết và dùng

quả phèn đen, hay mừng tươi xay ra làm mực. Còn bút thì làm bằng lông mèo, hay lông thỏ cho vào ruột cành tre nhỏ buộc lại... Nhiều lúc những vật liệu trên không tìm được, thì Phạm Tri Chi dùng "than hoa" vẽ lên tường để học. Vậy mà bằng nghị lực phi thường, cậu học trò này đỗ liền thi Hương, sau là thi Hội, nên thầy đồ cũng dốc hết tâm sức cùng trò để vượt cửa ải Đại khoa tiếp theo.

Bố mẹ Phạm Tri Chi chỉ biết chịu khó cày cấy tích cóp từng đồng bạc lẻ để cho con lên kinh đô thi. Một hôm đang tát nước ở thửa ruộng cây đa Đồng Soi của làng, trong lúc khơi lại mương nước, ông bà thấy một hộp sọ người, không biết là đàn ông hay đàn bà. Hai vợ chồng cho vào chiếc nôi chân đất nung mang ra đóng gài đó chôn và thắp hương cầu khẩn cho linh hồn người chết giúp con mình thi cử đỗ đạt.

Không biết có phải từ việc làm nhân đức đó, hay sự quyết tâm học hành của nho sinh Phạm Tri Chi, lần thi Đình năm Mậu Thìn, niên hiệu Sùng Khang thứ 3 (1568) đời vua Mạc Mậu Hợp có rất đông sỹ tử dự thi, nhưng triều đình nhà Mạc chọn ra 17 vị đỗ Đại khoa, trong đó có 1 vị đỗ Đệ nhất giáp (Thám hoa), 4 vị đỗ Đệ nhị giáp (Hoàng giáp) và 12 vị đỗ Đệ tam giáp (Tiến sỹ) và Phạm Tri Chi nằm trong số các vị đỗ Đại khoa này.

Đây là một niềm vinh hạnh lớn của cả tổng Bắc Tạ thời bấy giờ. Tục truyền, tin từ Tri huyện Tứ Kỳ báo cho Hương lý Kỳ mục làng Bắc Tạ làm lễ đón rước "Tân Nghè" về vinh quy bái tổ. Thấy con gia đình nhà mỗ, chính quyền làng tổng kiên quyết không đứng ra tổ chức đón rước. Cũng giống như nhiều trường hợp khác ở huyện Vĩnh Bảo là Đỗ Lương Tướng và Đỗ Thân Không, hay sau này là Bảng nhãn Đào Công Chính...

Tục truyền, ngày ấy có cây cầu gỗ qua con kênh vào giáp (xóm) Tường Vân, còn bị Trùm xã hạ lệnh cho tháo một vài thanh để xe không vào được. Tân Nghè Phạm Tri Chi vừa tới nơi tỏ vẻ bực dọc và liền buông một câu độc địa: "Làng này không thể khá lên được? Ta sẽ không bao giờ trở lại nơi đây nữa, nếu Hương lý Kỳ mục không mang kiệu tới tận nơi rước về". Ông liền ném cây bút xuống con kênh này, rồi cuốc bộ về nhà làm lễ gia tiên và nhanh chóng ra xe trở về kinh.

Chiếc bút của vị tân Nghè này trôi theo ra kênh Giéc, rồi ra sông Tranh (từ cuối thế kỷ XIX đổi là sông Hóa) và đến khu vực bến đò Cỏ Am, tổng Đông Am, huyện Vĩnh Lại, được một người họ Trần làng Cỏ Am vớt lên đưa về từ đường thờ phụng. Sau này làng Cỏ Am hưng thịnh về đường khoa cử, còn ở Bắc Tạ không thấy xuất hiện Tiến sỹ Nho học nào nữa.

Còn nhà khoa bảng Phạm Tri Chi làm quan Thái giám cho đến hết thời Mạc. Vào cuối năm Hồng Ninh thứ 2 (1592), thì Trịnh Tùng tiến đánh Thăng Long. Vua Mạc Mậu Hợp thua chạy về Kim Thành (Hải Dương). Thấy thế nguy cấp, Mạc Mậu Hợp lập con trai là Mạc Kính Toàn lên ngôi, tự mình làm Tướng thống suất quân đội. Sau các cuộc chiến đẫm máu tại khu vực ở các phủ Nam Sách, Hạ Hồng, Kinh Môn trong hai tháng cuối năm Hồng Ninh thứ 2 (1592), thì quân đội nhà Mạc chịu tổn thất nặng nề. Mạc Mậu Hợp phải bỏ trốn đến huyện Phượng Nhãn (nay là Lạng Giang, Bắc Giang) thì bị bắt sống, sau đó ít ngày thì bị hành hình. Còn Phạm Tri Chi chạy về Hoàn Bồ, đạo An Bang (nay là Quảng Ninh) ẩn náu, một thời gian ngắn sau, thì bị bắt vào đầu năm Vũ An thứ 2 (1593). Sau đó ông quy

thuận ra làm quan cho triều Lê trung hưng và được thăng tới chức Thị lang...

Theo truyền thuyết dân gian, khi Phạm Tri Chi về trí sỹ, thì vào ngày 13 tháng 11 năm Hoàng Định thứ 7 (1607) ông một mình quay lại thăm quê, nơi ông đã từng sinh ra và có ý định làm việc công đức cho làng tổng. Khi tới khu vực cầu Liễn Thâm ngày nay, thì trời đã tối muộn. Ông liền vào quán nghỉ trọ và định sáng hôm sau về quê sớm. Đêm hôm ấy không may ông bị cảm đột ngột và mất. Sáng hôm sau chủ quán phát hiện ra, thì mới đã vùi lấp hết tử thi ở ngay góc cây trầu cổ gần đó. Thôn dân nơi đây cho rằng đó là huyết đất tốt, trời đã dành cho và chôn giùm nên gọi là “thiên táng”. Rồi chủ quán là người phát hiện trong túi mang theo của ông có một thẻ bài và nhận ra đây là một viên quan lớn, nên người dân nơi đây từ đó trở đi gọi mộ ông là má “Đại thần quan”, hay má “Nghè”.

Lúc đầu mộ chỉ đắp bằng đất, nhưng nơi đây không ngớt hương khói, do những cư dân xung quanh, môn sinh và khách buôn bán đi qua về lại chăm sóc, thờ cúng vì tin rằng âm hồn người mất rất thiêng, phù hộ độ trì cho họ sức khỏe, làm ăn khấm khá, học hành đỗ đạt. Thời gian sau được dân làng lập đền thờ và mộ được xây lại khá khang trang tại khu vực ngã ba sông Chanh Dương và Kênh Giếc ngày nay.

Từ đó tới nay, trải qua hơn bốn trăm năm, vì không biết gốc tích của vị đại quan này, nên hằng năm cứ đến ngày hội làng Ích Dương, sau là Áng Dương, nay là Áng Ngoại (11 - 13/11 âm) là các bậc trưởng lão làng lại ra chỗ sông sát đền lấy nước và rước chân hương từ đền thờ “Quan đại thần” về đình làng làm lễ...

Thời gian thấm thoát trôi qua, đến đầu thế kỷ XX, một Tổng đốc nhà Nguyễn là Đào Trọng Kỳ (1839 -1914) quê ở Cổ Am. Người có công lớn trong việc tổ chức đào sông Chanh Dương, một công trình thủy lợi quan trọng của huyện Vĩnh Bảo, nhằm lấy nước tưới tiêu và mở tuyến vận tải thủy bộ cho nhân dân trong huyện. Khi tiến hành đào sông gần tới khu vực má “Đại thần quan”, thì thôn dân địa phương đã chuyển phần mộ của ông sang bên tả ngạn sông Chanh Dương, còn đền thờ ông được xây nhỏ hơn bên hữu ngạn để tiện cho việc thờ cúng, nằm ở phía gần cầu Liễn Thâm thuộc thôn Áng Ngoại, xã Trung Lập, huyện Vĩnh Bảo ngày nay.

Trước đây xã (làng) Bắc Tạ là miền đất rộng lớn kéo dài từ làng Xuân Cốc đến tận sông Chanh Dương ngày nay. Đến thời Lê - Nguyễn, thì giáp (xóm) Tường Vân dù cơ sở dân tách khỏi Bắc Tạ thành đơn vị hành chính cấp xã (làng). Trong tay chúng tôi có bản đồ huyện Vĩnh Bảo thời Đồng Khánh (1886), thì chỉ có xã Ích Dương (益陽) thuộc tổng Bắc Tạ. Rồi vào năm Đồng Khánh thứ 3 (1888), thì Ích Dương (益陽) đổi thành Áng Dương (盎陽) và vào đầu thế kỷ XX sau khi hệ thống sông Chanh Dương vào hoạt động, thì cái tên Áng Ngoại mới ra đời. Địa danh Áng Ngoại này là mảnh ghép xóm ngoài của xã (làng) Áng Dương và một phần thực địa xã (làng) Tường Vân cùng tổng Bắc Tạ, huyện Vĩnh Bảo mà thành.

Nếu ghi chính xác, thì Tiên sỹ Nho học Thị lang Phạm Tri Chi, người giáp (xóm) Tường Vân, xã (làng) Bắc Tạ, tổng Bắc Tạ, huyện Tứ Kỳ, phủ Hạ Hồng, đạo Hải Dương, nay là xóm Tường Vân, thôn Phương Tường, xã Hùng Tiên, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Còn tục truyền, thì phần mộ ông ở xã Ích Dương, tổng Bắc Tạ, nay thuộc xã Trung Lập, huyện Vĩnh Bảo. Giống như trường hợp Thượng

Tướng quân Đô Chi huy sứ họ Nguyễn, quê giáp (xóm) Hoa Lâm, xã (làng) Bắc Tạ (nay là Phương Lâm thuộc xã Hùng Tiến), còn phần mộ nằm ở xã (làng) Hà Hương, nay là thôn Ho, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng.

*Quay ngược bánh xe thời gian!*

Sau khi biết Phạm Tri Chi làm đại quan ở hai triều Mạc - Lê, người có công lớn với triều đình và quốc gia. Thế hệ Hương lý Kỳ mục sau này làng Bắc Tạ tỏ ra ân hận vì cách đối xử của làng xã với ông ngày trước. Sau này, chính quyền



*Tác giả (phải) và Trưởng Ban Quản lý đền Thái Giám tại thôn Phương Tường, xã Hùng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng.*

làng tổng đã trình tấu lên phủ Hạ Hồng đặt tên cho con kênh nối từ hồ Hoa Lâm (năm Thiệu Trị thứ nhất - 1841, đổi thành Phương Lâm vì kiêng tên húy mẹ vua Thiệu Trị là Hồ Thị Hoa) tới kênh Giéc (nay là khu vực cầu Liễn Thâm)

được mang tên Thái Giám. Cũng như việc xây đền, rồi tạc tượng thờ ông, lấy tên là đền Thái Giám, nằm cạnh kênh Thái Giám. Ngày nay phần lớn dân làng nơi đây đều nghĩ rằng đền mang tên Thái Giám vì bên kênh Thái Giám, chứ không hiểu nguyên nhân sâu xa hai chữ trên có xuất xứ từ đâu?

Gần thể kỷ trôi qua, chúng tôi là nhóm người đầu tiên phát hiện ra quê ông, vì tại đền Thái giám ở xóm Tường Vân, xã Hùng Tiến vào thời nay vẫn thờ nhà khoa bảng Nguyễn Bá Tùng, đỗ Đệ nhị giáp Tiến sỹ xuất thân (Hoàng giáp) khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Cảnh Thống 5 (1502) đời Lê Hiến Tông. Tôi có đùa với Trưởng ban Quản lý đền Thái Giám nơi đây rằng: “*Khi các ông khấn vái và lúc hô thần nhập tượng đều gọi tên Ngài là Nguyễn Bá Tùng rồi, nên tượng ngài sau sẽ chuyển cho đền Tạ Xá (nay là làng Tạ Ngoại và Nội Tạ, xã An Hòa) và tạc lại cho Thị lang - Tiến sỹ Nho học Phạm Tri Chi bức tượng khác nhé*”.

Đứng trước đền Thái Giám bên hữu ngạn kênh Thái Giám, nay thuộc xóm Tường Vân, thôn Phương Đường, xã Hùng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng bao cảm xúc trong tôi thăng hoa và mây vùn lục bát mang tên “Chia mây” được ra đời:

*Cạn đêm mưa bụi lâm thâm*

*Chợt nghe tiếng gọi xa xăm vọng về*

*Bàng hoàng lúc tỉnh lúc mê*

*Có quan Thái giám<sup>(1)</sup> ngồi chia mây lành<sup>(2)</sup>*

(1): Thái giám thời Lê - Mạc là quan võ, hay chức Thái giám dùng cho người có công, vị trí dưới Nhập nội hành khiển và Khu mật đại sứ.

(2): Tường Vân, theo nghĩa Hán là mây lành

Một phần buồn giữa mong manh  
Bao năm đèn sách lênh đênh cuối trời  
Một phần trôi giữa khơi vơi  
Chùa xưa đau đầu bao lời nhớ nhung  
Một phần buồn giữa mông lung  
Ân sâu Ấng Ngoại nào nùng Chanh Dương<sup>(1)</sup>  
Một phần trôi dọc sông thương  
Thái Giám - Kênh Giéc<sup>(2)</sup> dặm trường miên man...  
Tìm Người cuối bến trần gian  
Hoàng hôn ngả bóng hóa vàng quê xưa?

---

(1): Sông nhỏ nối từ làng Chanh Chừ, tổng Oai Nỗ (nay thuộc xã Thăng Thủy) tới làng Dương Am, tổng Ngái Am (nay thuộc xã Trấn Dương)

(2): Kênh Giéc chạy qua các xã phía Bắc Đường 10, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng.